

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09/11/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**- Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thời**.

2. Ông **Nguyễn Công Hoan**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Dũng**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Nhiệm**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 449/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Đình Quang A**, sinh năm 1980.

ĐKKHKT: Số nhà 41 phố VH, phường VH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Công ty TNHH sản xuất và Thương mại cơ khí VK.

Địa chỉ: Số 2/238 phố ĐX, phường TM, thành phố Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị K**, sinh năm 1981.

ĐKKHKT và cư trú: Số nhà 41 phố VH, phường VH, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

(anh A có mặt tại phiên tòa, chị K có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn anh Đinh Quang Ái trình bày:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn trình bày:

Anh Đinh Quang A và chị Phạm Thị K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18/01/2005 tại UBND phường VH, thành phố Hải Dương. Sau ngày cưới anh A và chị K chung sống cùng gia đình nhà anh A tại 41 VH, phường VH, thành phố Hải Dương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống và phát triển kinh tế gia đình, mặt khác khoảng tháng 12/2015 do anh A làm kinh tế bị thua lỗ nợ nần dẫn đến việc chị K thường xuyên có sự cư xử với anh không đúng mực và thường xuyên xúc phạm đến anh, do không thể chịu đựng được anh A đã phải ra ngoài thuê nhà trọ ở từ 3/2016, còn chị K và các con vẫn ở nhà cùng bố mẹ anh A. Kể từ tháng 3/2016 tình cảm vợ chồng hoàn toàn chấm dứt không còn quan tâm, qua lại đến nhau. Tháng 5/2018 anh A làm đơn xin ly hôn chị K, quá trình giải quyết tại Tòa án chị K tìm mọi cách gây khó khăn cho anh, mặt khác bản thân anh cũng nghĩ đến các con nên anh A đã rút đơn xin ly hôn chị K và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2018. Kể từ khi anh A rút đơn xin ly hôn chị K thì anh A cũng không về ở cùng chị K mà vẫn sống ly thân. Anh A lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn chị K tiếp lần hai. Nay anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài vì thời gian sống ly thân hơn hai năm nay vợ chồng không thể quay lại đoàn tụ được do vậy anh A đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị K.

- *Về con chung*: Anh Đinh Quang A và chị Phạm Thị K có 02 con chung là Đinh Thu T, sinh ngày 04/4/2006 và Đinh Quang N, sinh ngày 23/12/2011, hiện nay 02 con đang ở với chị K. Khi ly hôn, anh A đề nghị được nuôi cháu T, còn để chị K nuôi cháu N. Nếu chị K có nguyện vọng được nuôi cả hai con thì anh A cũng đồng ý và anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi con là 2.000.000đ/tháng. Tổng 02 con là 4.000.000đ/1 tháng.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng*: Anh A không có.

- *Về nợ*: Vợ chồng không nợ ai và ngược lại không ai nợ vợ chồng nên anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công sức*: Vợ chồng tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Phạm Thị K có đơn xin xử vắng mặt nhưng không thể hiện:**

Tại biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải: Chị K và anh A được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào ngày 18/01/2005 tại UBND phường VH, thành phố Hải Dương. Sau ngày tổ chức cưới chị K về sống chung cùng gia đình bố mẹ đẻ anh A tại 41 VH, phường VH, thành phố Hải Dương từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống và phát triển kinh tế gia đình, chị K có nghe dư luận anh A quan hệ nam nữ bất chính nhưng chị K không có tài liệu gì xuất trình việc anh có quan hệ nam nữ. Mặt khác do anh A làm kinh tế bị thua lỗ nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh A đã tự bỏ ra ngoài ở từ tháng 01/2017, còn chị K và các con vẫn ở nhà cùng bố mẹ anh A. Kể từ tháng 01/2017 tình cảm vợ chồng hoàn toàn chấm dứt mặc dù được hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không còn quan tâm, qua lại đến nhau. Tháng 5/2018 anh A làm đơn xin ly hôn chị K, quá trình giải quyết tại Tòa án chị K không đồng ý ly hôn nên anh A đã rút đơn xin ly hôn chị K và Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2018. Kể từ khi anh A rút đơn xin ly hôn chị K thì anh A cũng không về sống chung cùng chị K mà vẫn sống ly thân.

Nay anh A lại làm đơn xin ly hôn chị K tiếp lần hai, tuy nhiên chị không có biện pháp gì để vận động anh A về đoàn tụ và chị K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì các con và hai bên gia đình chị không đồng ý ly hôn, chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

- *Về con chung*: Chị K và anh A có 2 con chung là Đinh Thu T, sinh ngày 04/4/2006 và Đinh Quang N, sinh ngày 23/12/2011, hiện nay 02 con đang ở với chị K. **Chị K hiện công tác tại Xí nghiệp may tư doanh TK mức thu nhập bình quân từ 5.600.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Chị K xác định mức thu nhập trên cũng tạm ổn.** Chị Kim không đồng ý ly hôn nên chị không có quan điểm về con chung. Anh A đề nghị được nuôi cháu T chị không nhất trí, nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị K có nguyện vọng được nuôi cả hai con và anh A trình bày tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi con là 2.000.000đ/tháng. Tổng 02 con là 4.000.000đ/1 tháng. Chị K nhất trí.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng*: Chị K không có.

- *Về nợ*: Vợ chồng không có nợ ai và ngược lại không ai nợ vợ chồng nên chị Kim không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công sức*: Vợ chồng tự giải quyết.

Ngày 12/10/2018, Tòa án xác minh tại khu dân cư số 5 phường VH, thành phố Hải Dương thể hiện: Việc mâu thuẫn giữa anh A và chị K theo địa phương được biết không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là xô xát vợ chồng thông thường, anh chị

không báo chính quyền đoàn thể để hòa giải nên địa phương không nắm bắt được cụ thể. Hiện nay anh A và chị K không chung sống cùng nhau khoảng gần 01 năm. Chị K cùng với hai con đang sống chung cùng bố mẹ đẻ anh A tại khu 5 VH, còn anh A nghe dư luận đã đi thuê nhà trọ ở riêng. Địa phương được Tòa án mời ra UBND phường VH làm việc về việc anh A xin ly hôn chị K. Tuy nhiên sau đó anh A rút đơn nhưng vợ chồng không về sống chung cùng nhau. Nay anh A xin ly hôn chị K đại diện khu dân cư và Hội phụ nữ đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tòa án lấy lời khai bà Bùi Thị T và ông Đinh Quang K là bố mẹ đẻ anh A. Bà T và ông K trình bày: Anh A và chị K tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán có đăng ký kết hôn tại UBND phường VH, thành phố Hải Dương vào tháng 01/2005. Sau ngày tổ chức cưới chị K về sống chung cùng gia đình bà T và ông K từ thời gian đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh A làm ăn kinh tế nợ nần. Đến đầu năm 2017 anh A bỏ nhà ra ở nơi khác cho đến nay gia đình không biết được nơi ở của anh A. Mặt khác gia đình có nghe dư luận anh A có quan hệ nam nữ nhưng gia đình không có căn cứ gì xuất trình cho Tòa án. Hiện nay chị K và hai con vẫn ở cùng với ông bà tại phường VH. Anh A làm đơn ly hôn chị K ông bà được Tòa án mời lên UBND phường VH làm việc. Sau đó gia đình động viên anh A rút đơn ly hôn nhưng anh A không về sống chung cùng gia đình. Nay anh A xin ly hôn chị K tiếp lần hai bản thân chị K không đồng ý ly hôn và ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung

Tòa án lấy lời khai của ông Phạm Văn P bố đẻ chị K. Ông P trình bày: Anh A và chị K tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND phường VH, thành phố Hải Dương năm 2005. Sau ngày tổ chức cưới chị K về sống chung cùng gia đình anh A từ đó cho đến nay. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ vì anh A có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần và bỏ nhà đi ở chỗ khác từ đầu năm 2017 cho đến nay. Ông và gia đình bố mẹ đẻ anh A động viên nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh A không về sống cùng gia đình và chị K. Ông được biết anh A làm đơn ly hôn chị K sau đó anh A rút đơn nhưng vẫn không về sống chung cùng chị K. Anh A lại làm đơn ly hôn tiếp chị K, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Chị K được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập. Nay chị K có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt chị K.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Th- ký phiên tòa, ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định BLTTDS vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

□p dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Quang A về việc xin ly hôn với chị Phạm Thị K.

Về con chung: Giao 02 con chung là Đinh Thu T, sinh ngày 04/4/2006 và Đinh Quang N, sinh ngày 23/12/2011 cho chị Kim trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 4.000.000đ/02 con/tháng đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh A phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ được đối trừ số tiền đã tạm ứng án phí, anh A còn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị Kim đã đ- ọc triệu tập hợp lệ 02 lần và không có yêu cầu phản tố. Chị K có đơn xin xử vắng mặt lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt chị **K theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.**

[2] Anh Đinh Quang A và chị Phạm Thị K tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ối, có đăng ký kết hôn tại UBND ph- ờng Việt Hòa, thành phố Hải Dương vào ngày 18/01/2005, là Hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng 11 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng nhau quan điểm sống, không có tiếng nói chung và kết hợp do anh A có nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Đến đầu năm 2017 anh A đã tự bỏ nhà ra ở nơi khác không sống chung cùng gia đình và chị K từ đó cho đến nay. Chị K hiện vẫn sống cùng hai con chung ở tại gia đình bố mẹ đẻ anh A. Tháng 5/2018 anh A đã làm đơn xin ly hôn chị K sau đó được gia đình động viên, anh A rút đơn ly hôn Tòa án quyết định đình chỉ vụ án. Kể từ khi anh A rút đơn xin ly hôn chị K thì anh A cũng không về ở cùng chị K mà vẫn sống ly thân. Sau đó anh A lại làm đơn ly hôn chị K tiếp lần 02. Từ khi sống ly thân không ai tìm gặp nhau, không quan tâm đến tình cảm của nhau

và chấm dứt mọi quan hệ. Nay anh A xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị K.

Chị K không đồng ý ly hôn anh A nhưng bản thân chị không có biện pháp gì để tìm, gặp anh A động viên anh A trở về sống chung cùng chị và gia đình. Chị xác định từ khi anh A và chị sống ly thân tháng 01/2017 cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng. Nay vì các con và hai bên gia đình nên chị không đồng ý ly hôn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung.

Tòa án lấy lời khai bà T, ông K bố mẹ đẻ anh A: Ông bà trình bày vợ chồng mâu thuẫn do anh A nợ nần và anh A bỏ nhà ra ở nơi khác từ tháng 02/2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh A đã làm đơn ly hôn chị K sau đó gia đình động viên anh A rút đơn, Tòa án đình chỉ vụ án nhưng anh A không về sống chung với chị K. Hiện nay chị K và hai con vẫn sống chung cùng gia đình ông. Nay ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Tòa án lấy lời khai ông P là bố đẻ chị K: Ông P trình bày vợ chồng mâu thuẫn do anh A nợ nần và anh A bỏ nhà ra ở nơi khác từ tháng 02/2017 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh A đã làm đơn ly hôn chị K sau đó gia đình động viên anh A rút đơn, Tòa án đình chỉ vụ án nhưng anh A không về sống chung với chị K. Hiện nay chị K và hai con vẫn sống chung cùng gia đình bố mẹ đẻ anh A. Anh A xin ly hôn chị K, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Tòa án xác minh tại khu dân cư nơi anh A và chị K cư trú: Địa phương không nắm bắt được việc anh A và chị K mâu thuẫn vì anh chị không báo chính quyền, các đoàn thể hòa giải nhưng địa phương có được biết anh A sống nơi ở khác gần 01 năm không sống chung cùng chị K. Anh A làm đơn ly hôn chị K, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy anh Ái và chị K tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc. Anh A và chị K sống ly thân gần 02 năm, đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Anh A làm đơn ly hôn chị K sau đó rút đơn ly hôn, Tòa án đình chỉ vụ án. Chị K có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân chị không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án chị K không có mặt gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án nên việc chị Kim xin đoàn tụ không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận. HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của anh A và HĐXX xử cho anh A đ- ợc ly hôn chị K theo Điều 51; Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh A và chị K có 02 con chung Đinh Thu T, sinh ngày 04/4/2006 và Đinh Quang N, sinh ngày 23/12/2011. Hiện nay các con do cho chị K chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu T có đơn xin ở với chị. Chị K hiện công tác tại Xí nghiệp may tư doanh TK, mức thu nhập bình quân từ 5.600.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Chị không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án giải quyết ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh A trình bày cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi con là 2.000.000đ/tháng. Tổng 02 con là 4.000.000đ/1 tháng chị K nhất trí.

HĐXX nhận thấy các con hiện do chị K chăm sóc nuôi dưỡng ổn định về tinh thần, học tập, sinh hoạt hàng ngày. Bản thân **chị K hiện công tác tại Xí nghiệp may tư doanh TK mức thu nhập bình quân từ 5.600.000đ đến 6.000.000đ/tháng cũng tạm ổn định**. Để đảm bảo việc ăn, ở học tập ổn định của các con và không làm xáo trộn sinh hoạt của các con nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị K tiếp tục giao 02 con T và con N cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi con là 2.000.000đ/tháng. Tổng 02 con là 4.000.000đ/1 tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về công sức: Vợ chồng tự giải quyết.

[6] Về án phí: Anh A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 357 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đinh Quang A xin ly hôn chị Phạm Thị K

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Đinh Quang A- ợc ly hôn chị Phạm Thị K.

2. Về con chung: Xử giao con Đinh Thu T, sinh ngày 04/4/2006 và Đinh Quang N, sinh ngày 23/12/2011 cho chị Phạm Thị K tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi các con chung là 2.000.000đ/tháng/ con. Tổng là 4.000.000đ/01 tháng /02con đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Chị K không đ- ợc ngăn cản anh A quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh A và chị K không có tài sản chung, tài sản riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Vợ chồng không nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công sức: Vợ chồng tự giải quyết.

6. Về án phí: Anh A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và phải chịu 300.000đ án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng 600.000đ. Đối trừ 300.000đ anh Ái đã nộp tạm ứng án phí số AB/2017/0002536 ngày 03/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Hải Phòng. Anh A phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

7. Anh Đinh Quang A có mặt để đọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Phạm Thị Kim vắng mặt để đọc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận để đọc bản án hoặc để đọc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương